

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 31 - 8 - 2018

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Văn Yên

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2018/TLPT- HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 về việc “xin ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 119/2018/HNGĐ-ST ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 196/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Kim C, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; Tạm trú: Ấp Tân Đ, xã Tân Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Lê Phú T, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan: Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1963 (không triệu tập).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Huỳnh Kim C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Phú T chung sống với nhau vào năm 2013 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau vào ngày 06/01/2014. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, sự việc xảy ra đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn 06 lần, trong đó lần hòa giải cuối cùng vào ngày

23/02/2018, tại cuộc hòa giải thân tộc có quy định để anh T sửa chữa, khắc phục trong thời gian 01 tháng nếu không thì sẽ quyết định để chị ly hôn. Từ sau cuộc hòa giải cho đến nay anh T cũng không khắc phục, sửa chữa theo biên bản họp thân tộc, chị và anh T đã ly thân từ ngày 23/02/2018 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm, tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con: Có 01 người con chung tên Lê Huỳnh Hồng T, sinh ngày 19/10/2014. Khi họp gia đình hòa giải vào ngày 08/01/2018 âm lịch giữa chị và anh T đã thỏa thuận giao Hồng T để chị nuôi và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ngày 14/01/2018 âm lịch anh T liên hệ điện thoại đưa Hồng T về nhà chơi và đến ngày 16/01/2018 âm lịch anh T đưa Hồng T về nuôi dưỡng cho đến nay. Khi ly hôn, chị yêu cầu anh T giao Hồng T để chị nuôi dưỡng và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa, do anh T không đồng ý cấp dưỡng nên chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Trong ngày cưới bà Nguyễn Hồng T (mẹ chồng) cho riêng chị 10 chỉ vàng 24k. Khi về chung sống khoảng 04 tháng thì bà T mượn 02 chỉ bán cho anh T làm vốn đi cân cua. Ngoài ra, lúc đi sinh con chị có gửi lại 08 chỉ cho bà T giữ giùm, khi khởi kiện, chị xác định đây là tài sản cho riêng chị nên chị xin hưởng toàn bộ. Tại phiên tòa sơ thẩm chị không yêu cầu phân chia mà rút lại yêu cầu này.

Về nợ: Không có.

Bị đơn anh Lê Phú T trình bày:

Anh thừa nhận quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ như lời trình bày của chị C. Lúc vợ, chồng đi làm công nhân tại tỉnh Đồng Nai có xảy ra cự cãi, anh vẫn quan tâm, chăm sóc lo cho vợ, con; anh thừa nhận vào năm 2016 anh có đánh chị C một lần. Sự việc sau đó đã được gia đình hai bên hòa giải và đến ngày mùng 08/01/2018 âm lịch gia đình hai bên có hòa giải như chị C trình bày nhưng chị C vẫn không đồng ý và ly thân đến nay. Nay anh xét thấy, mâu thuẫn giữa anh và chị C chưa đến mức trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm và có nguyện vọng hàn gắn quay lại chung sống nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C.

Về con chung: Khi họp gia đình anh đồng ý để chị C nuôi dưỡng Hồng T mục đích để hàn gắn trở lại. Vào ngày 16/01/2018 âm lịch anh qua rước Hồng T về và nuôi dưỡng cho đến nay. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi Hồng T và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Trong ngày cưới mẹ anh là bà Nguyễn Hồng T có cho số nữ trang là 10 chỉ vàng 24k. Khi về chung sống được 5 - 6 tháng, anh và chị C thống nhất bán số vàng này để làm vốn cân cua. Nay anh xác định số vàng này không còn và không có cho mẹ anh mượn bán để cho anh làm vốn cân cua và không gửi vàng cho mẹ anh như lời trình bày của chị C. Do chị C đã rút lại yêu cầu xin hưởng số vàng trên nên anh không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồng T trình bày: Khi chị C và anh T kết hôn thì bà có cho 10 chỉ vàng 24k, việc C và T sử dụng số vàng này như thế nào thì bà không biết. Nay chị C xác định có đưa cho bà mượn 02 chỉ bán để đưa cho anh T làm vốn cần của và gửi cho bà giữ 08 chỉ là không có. Nay chị C rút lại không yêu cầu bà trả lại số vàng này nên bà không có ý kiến gì.

Tại bản án sơ thẩm số 42/2018/DS-ST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 và 84, khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Kim C. Cho chị C được ly hôn với anh Lê Phú T.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị C. Giao Lê Huỳnh Hồng T, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2014 cho chị C nuôi dưỡng (anh T có nghĩa vụ giao Hồng T lại cho chị C nuôi dưỡng).

Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Hồng T theo mức 700.000 đồng/tháng, việc cấp dưỡng được định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày chị C nuôi dưỡng Hồng T đến khi tròn 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị C cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải cấp dưỡng thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản: Đình chỉ yêu cầu của chị C về việc yêu cầu bà Nguyễn Hồng T trả lại cho chị hưởng 10 chỉ vàng 24k.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14/6/2018 anh Lê Phú T kháng cáo nội dung yêu cầu được nuôi cháu Lê Huỳnh Hồng T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ,

không chấp nhận nội dung chấp nhận kháng cáo của anh T về việc được nuôi dưỡng cháu Hồng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo anh T trình bày tại phiên tòa thì điều kiện của anh T nuôi dưỡng cháu Hồng T tốt hơn chị C và hiện nay cháu T cũng đang chung sống cùng với anh. Chị C không đồng ý để anh T nuôi dưỡng, trước đây tại cuộc họp gia đình anh T đã thống nhất giao cháu T cho chị nuôi dưỡng, việc cháu T đang sống chung với anh T là do anh T đem cháu về và giữ nuôi cháu T cho đến nay.

Xét lời trình bày của anh T thấy rằng: Trong quá trình hòa giải giữa hai bên gia đình, anh T thống nhất để chị C nuôi dưỡng cháu T. Hiện hai bên đều có mong muốn nuôi con. Mong muốn này là chính đáng, tuy nhiên cần xem xét điều kiện hoàn cảnh cụ thể của chị C và anh T, cả hai anh chị đều có nghề nghiệp đủ điều kiện chăm lo cho cháu T, tuy nhiên hiện cháu T còn nhỏ lại là nữ nên về điều kiện chăm sóc, gần gũi và giáo dục thì chị C thuận tiện hơn, do đó cấp sơ thẩm giao cháu T cho chị C nuôi dưỡng là có căn cứ.

[2] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm, đề nghị này có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Phú T.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 119/2018/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 và 84, khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Kim C. Cho chị C được ly hôn với anh Lê Phú T.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị C. Giao Lê Huỳnh Hồng T, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2014 cho chị C nuôi dưỡng (anh T có nghĩa vụ giao Hồng T lại cho chị C nuôi dưỡng).

Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Hồng T theo mức 700.000 đồng/tháng, việc cấp dưỡng được định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày chị C nuôi dưỡng Hồng T đến khi tròn 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị C cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải cấp dưỡng thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Lê Phú T phải chịu 300.000 đồng, ngày 14/6/2018 anh T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010042 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hoàng Thị Hải Hà

**Thành viên Hội đồng xét xử
tòa**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Huỳnh Văn Yên

Huỳnh Văn Út

Hoàng Thị Hải Hà